

QUẢN LÝ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC: KINH NGHIỆM QUỐC TẾ VÀ BÀI HỌC ĐỐI VỚI TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH – QUẢN TRỊ KINH DOANH

Nguyễn Thị Hải, Nguyễn Thị Kim Dung,

Trường Đại học Tài chính – Quản trị kinh doanh

Ngày nhận bài: 10/10/2021

Ngày nhận bài sửa: 12/01/2021

Ngày duyệt đăng: 06/03/2021

Tóm tắt: Quản lý nghiên cứu khoa học là một trong những lĩnh vực quản lý quan trọng trong các trường đại học. Thực hiện tốt hoạt động này sẽ giúp thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học, nâng cao chất lượng công trình nghiên cứu và chất lượng đào tạo, cũng như tạo vị thế cho trường. Trên thế giới, đặc biệt là tại các nước phát triển, việc quản lý nghiên cứu khoa học ở các trường đại học đã được thực hiện rất bài bản, có hiệu quả cao, và có thể áp dụng được đối với các trường đại học ở nước ta, trong đó có trường đại học Tài chính – Quản trị kinh doanh. Những kinh nghiệm chính có thể áp dụng bao gồm: quản lý chặt chẽ đề tài nghiên cứu, tổ chức hoạt động nghiên cứu theo hướng thành lập các nhóm nghiên cứu mạnh và đa dạng hóa trong thu hút nguồn tài trợ cho hoạt động nghiên cứu khoa học.

Từ khóa: Nghiên cứu khoa học, quản lý nghiên cứu khoa học, nhóm nghiên cứu, quản lý đề tài, quản lý tiến trình.

MANAGEMENT OF SCIENTIFIC RESEARCH: THE EXPERIENCES IN THE WORLD AND THE LESSON FOR UNIVERSITY OF FINANCE AND BUSINESS ADMINISTRATION

Abstract: Management of scientific research is one of the most important areas of management in universities. If we do it well, we could promote our scientific research activities as well as improve the quality of researches and training. Therefore, the position of our university could be reach higher and higher. In the reality, many of universities in developed countries have had effective methods and had success in managing scientific research. So that, we can learn how they do to apply to universities in our country as well as to the University of Finance - Business Administration. This article will concentrate on three experiences in managing scientific research, include: strictly managing research topics, establishing strong research groups and diversification in attracting funding for scientific research activities.

Keywords: scientific research, management of scientific research, research group, managing research topic, managing research process

1. Mở đầu

Một trong những nguyên nhân cơ bản khiến cho nhiều trường đại học tại Nhật Bản, Hoa Kỳ, Anh,... trở thành những đại học hàng đầu trong lĩnh vực nghiên cứu khoa học là do họ đã xây dựng được cơ chế và có phương pháp rất hiệu

quả trong việc quản lý hoạt động này. Những năm gần đây, các trường đại học ở Việt Nam nói chung và đại học Tài chính – Quản trị kinh doanh nói riêng đã rất tích cực tìm phương án và từng bước thực hiện đổi mới cơ chế quản lý nghiên cứu khoa học nhằm thúc đẩy hoạt động

ngiên cứu cũng như nâng cao chất lượng các công trình nghiên cứu khoa học để khẳng định vị thế của mình, và bắt kịp với xu hướng phát triển chung của thế giới. Trong quá trình này, kinh nghiệm về quản lý nghiên cứu khoa học của các trường đại học hàng đầu trên thế giới và các trường đại học ở các quốc gia phát triển là những gợi ý rất hữu ích để chúng ta nghiên cứu, học hỏi và vận dụng.

2. Kinh nghiệm quốc tế về quản lý nghiên cứu khoa học

Trên cơ sở nghiên cứu hoạt động quản lý nghiên cứu khoa học tại một số trường đại học ở các quốc gia trên thế giới thuộc châu Mỹ, châu Âu, châu Á, tác giả tổng hợp thành một số kinh nghiệm quản lý dưới một số góc độ sau đây:

2.1. Quản lý đề tài nghiên cứu khoa học

Việc quản lý đề tài nghiên cứu khoa học tại Nhật Bản, Hoa Kỳ, Australia, cũng như nhiều nước Châu Âu bao gồm 3 bước chủ yếu là nộp đề cương, tuyên chọn/xét duyệt đề cương, và quản lý tiến trình nghiên cứu.

Tại các nước, việc đăng ký đề tài được thực hiện trực tuyến trên website theo các mẫu biểu hướng dẫn, tuy nhiên việc nộp đề cương/thuyết minh nghiên cứu có sự khác nhau. Ở Nhật Bản, đề cương được nộp bằng bản cứng mỗi năm một lần và tùy theo từng loại đề tài, có thể quy định về số trang cho mỗi nội dung. Tại Hoa Kỳ và Anh, đề cương được nộp bằng bản mềm, song Anh quy định dung lượng còn Hoa Kỳ thì không. Ở Australia, việc soạn thảo đề cương cũng được công bố và chỉ dẫn một cách chi tiết, quy định số trang cho từng mục, đồng thời đề cương được nộp liên tục đối với các nghiên cứu cơ bản. [1,7,8]

Việc xét duyệt đề cương ở các nước thường thông qua nhiều vòng với hai hình thức chính là đánh giá của các phản biện/chuyên gia độc lập và đánh giá qua hội đồng. Các công bố khoa học trong năm gần nhất của chủ nhiệm đề tài là tiêu chí được quan tâm trong việc đánh giá các đề cương. Ở Anh và Australia, trong vòng 2,

các đề cương/thuyết minh được cho điểm (ở Anh lấy thang điểm 1 -10, còn ở Australia lấy thang điểm 1 -100). Ở Australia, điểm đánh giá được cho chủ yếu trên ý tưởng, phương pháp và thành tích đã có của nhóm nghiên cứu, và được xếp theo thứ tự 5 bậc: vượt trội (outstanding), xuất sắc (excellent), rất tốt (very good), tốt (good) và trung bình (fair) [8]; ở Nhật Bản các đề xuất được đánh giá theo 4 cấp độ: loại S (xuất sắc), A (rất tốt), B (tốt), và C (cần phản biện lại) [7]. Tại các quốc gia nói trên, mỗi năm, chỉ có một số lượng nhất định đề tài/đề cương/thuyết minh được chọn trong tổng số đề tài/đề cương/thuyết minh được gửi đến (tỷ lệ này là 20 – 25% tại Australia và trung bình khoảng trên 20% ở Nhật) [7,8].

Về mặt quản lý tiến trình nghiên cứu: Hàng năm chủ nhiệm đề tài phải báo cáo tiến độ thực hiện theo quy định trên hệ thống để tổ chức tài trợ theo dõi, và kết thúc phải nộp báo cáo tổng kết/báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu. Một số quốc gia bắt buộc phải nộp báo cáo định kỳ như Australia (báo cáo được trình bày theo mẫu dày 10 trang), Nhật Bản (các đề tài có kinh phí tài trợ lớn, bên cạnh việc nộp báo cáo định kỳ còn phải trình bày trước hội đồng). Một số quốc gia chỉ đánh giá định kỳ với những đề tài có giá trị tài trợ lớn như Anh, trong khi một số quốc gia như Hoa Kỳ thì không thực hiện đánh giá định kỳ. Việc đánh giá các báo cáo căn cứ vào các ấn phẩm khoa học và những đóng góp của công trình vào sự phát triển kinh tế - xã hội qua các bằng sáng chế được đăng ký.

2.2. Tổ chức hoạt động nghiên cứu khoa học tại các trường đại học

Thành lập các nhóm/tổ chức nghiên cứu khoa học đang trở thành một xu hướng trong việc tổ chức hoạt động nghiên cứu khoa học tại các trường đại học. Hình thức tổ chức này là hình thức phổ biến tại các quốc gia phát triển để tiến hành các hoạt động khoa học công nghệ và đào tạo sau đại học.

Ở Đức, hầu hết các trường đại học đều được tổ chức thành các khoa (một khoa có thể bao gồm rất nhiều ngành học) và trong các khoa thường có một số viện/ trung tâm nghiên cứu/ phòng thí nghiệm với các hướng nghiên cứu chuyên sâu của riêng mình, đồng thời cũng có sự liên kết chặt chẽ với nhau khi triển khai những đề tài lớn. Tổ chức của mỗi viện nghiên cứu gồm 01 viện trưởng – thường là giáo sư đầu ngành; 01 kỹ sư cao cấp (thay mặt viện trưởng khi viện trưởng vắng mặt giải quyết các công việc của viện); các thư ký và đội ngũ cán bộ nghiên cứu, cán bộ kỹ thuật [5]. Viện trưởng thường đã trải qua quá trình công tác thực tế, từng nắm các chức vụ quan trọng, có kinh nghiệm quản lý, có trình độ nghiên cứu và có vai trò rất quan trọng trong việc tìm kiếm cũng như đảm bảo uy tín cho các đề tài nghiên cứu. Các viện thường tổ chức họp hàng tuần để thảo luận về các vấn đề mới hoặc tổ chức hội thảo với các chuyên gia của những trường đại học khác, các cán bộ trong các công ty... để cập nhật các thông tin công nghệ, kỹ thuật mới nhất. Sinh viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh vừa học trên giảng đường, lại vừa trực tiếp tham gia nghiên cứu tại các viện/phòng thí nghiệm/trung tâm với sự hướng dẫn của các giáo sư, các cán bộ nghiên cứu, và được trả lương. Các viện/trung tâm/phòng thí nghiệm nói trên chính là những vườn ươm tài năng khoa học công nghệ của các trường đại học tại Đức. Cách tổ chức như vậy, tạo điều kiện gắn kết giữa nghiên cứu và đào tạo, giúp sinh viên/học viên có dịp tiếp xúc với thực tiễn và còn giúp họ có thêm thu nhập để góp phần trang trải cuộc sống. Theo yêu cầu, các đề tài nghiên cứu ở Đức phải gắn kết với các vấn đề của cuộc sống, tối ưu hóa các công nghệ và sản phẩm đã có, điều này giúp cho nền khoa học công nghệ của Đức luôn ở vị trí tiên phong trong mọi lĩnh vực. [5]

Ở Nhật Bản, từ năm 2002, các trung tâm xuất sắc (COE) đã được thành lập tại các

trường đại học với chủ đề “chương trình COE thế kỷ 21”, và năm 2005 tiếp nối với chủ đề “chương trình COE toàn cầu” [6]. Điểm xuất phát của việc làm này là để tạo ra môi trường cạnh tranh lành mạnh giữa các đại học Nhật Bản cũng như tạo ra các cơ sở nghiên cứu và đào tạo đạt đẳng cấp quốc tế, nâng tầm một số đại học lên nhóm các đại học hàng đầu thế giới. Mỗi một COE có một trưởng nhóm nghiên cứu, là giáo sư đầu ngành; một phó giáo sư, là người được giáo sư ủy quyền giải quyết công việc khi giáo sư vắng mặt; trợ lý giáo sư, thường có trình độ tiến sĩ, có nhiệm vụ hướng dẫn các thành viên còn lại thuộc nhóm nghiên cứu. Những người này là cán bộ ở các đơn vị khác nhau trong cùng trường, tham gia vào các chương trình nghiên cứu của COE nhưng vẫn chịu sự quản lý của đơn vị mình. Các thành viên còn lại của nhóm nghiên cứu là nghiên cứu sinh và học viên cao học. Một COE bao gồm vài nhóm nghiên cứu đơn ngành, liên ngành hoặc đa ngành. Thời gian xây dựng một COE thường là 5 năm. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, các COE đều được phát triển cả về trang thiết bị và nguồn nhân lực. Sau khi hoàn thành nhiệm vụ, một COE có thể sẽ tiếp tục xây dựng và thực hiện các nội dung nghiên cứu mới với các nhóm thành viên mới. Các nhóm thành viên COE cũ cũng có thể tách ra xây dựng các COE mới mà mình sẽ là thành viên chủ chốt dựa vào những kinh nghiệm đã có. Đây là một cách hiệu quả để nhân rộng các đơn vị nghiên cứu khoa học công nghệ mạnh.

Ở Nga, trường đại học Tổng hợp Moscow cũng được tổ chức thành các khoa, dưới khoa là các bộ môn, và trong bộ môn là các nhóm nghiên cứu mạnh. Các nhóm nghiên cứu mạnh được các giáo sư đầu ngành xây dựng và dẫn dắt. Bên cạnh đó, còn có các nhóm nghiên cứu mạnh liên bộ môn, liên khoa tạo thành một hệ thống nghiên cứu khoa học vững mạnh.

2.3. Thu hút tài chính cho hoạt động nghiên cứu khoa học trong các trường đại học

Đầu tư cho nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ cần có một nguồn tài chính dồi dào. Để mở rộng nguồn lực tài chính phục vụ cho hoạt động này nói riêng và phục vụ cho các hoạt động chung của các trường đại học thì đa dạng hóa nguồn tài trợ là đặc trưng cơ bản ở các trường đại học tại các quốc gia tiên tiến trên thế giới. Các nguồn tài trợ chủ yếu cho hoạt động của các trường là từ: ngân sách nhà nước; các tổ chức, doanh nghiệp; học phí; và tiền lời thu được từ những khoản đầu tư của quỹ hiến tặng. Tuy nhiên cơ cấu các nguồn tài chính này ở các trường và các nước là không giống nhau.

Ở Hoa Kỳ, có sự khác biệt rõ rệt về kinh phí mà chính phủ cấp cho hoạt động của các trường đại học công lập và đại học tư. Các trường đại học công lập được cấp tới 47% tổng kinh phí, trong khi ở các trường tư, nguồn tài trợ này chỉ chiếm 1,5% tổng kinh phí hoạt động của trường. Phần kinh phí còn lại ở các trường đến từ học phí, nguồn thu dịch vụ khác, quà tặng từ thiện và các nguồn tài trợ khác.

Ở Tây Âu, nguồn tài trợ chính cho hoạt động giảng dạy và nghiên cứu khoa học trong các trường đại học chủ yếu do ngân sách nhà nước cấp (ở Đức ngân sách cấp khoảng 70% kinh phí nghiên cứu khoa học, còn các dự án nghiên cứu bằng tiền của bên thứ ba (quỹ công cộng, công ty, quỹ nghiên cứu) chỉ đạt 30% trong đó nguồn từ quỹ công cộng chiếm 75%, nguồn từ các công ty chiếm 15% và 10% còn lại từ các quỹ nghiên cứu.[8]

Ở Châu Á, đại học Quốc gia Singapore từ khi trở thành tập đoàn tư nhân (2006), đã rất thành công về gây quỹ và phát triển quỹ hiến tặng – được coi là trường thành công bậc nhất trong việc gây quỹ này. [4]

3. Quản lý nghiên cứu khoa học tại trường đại học Tài chính – Quản trị kinh doanh

3.1. Hệ thống văn bản quản lý nghiên cứu khoa học tại trường đại học Tài chính – Quản trị kinh doanh

Trường đại học Tài chính – Quản trị kinh doanh là một trường đại học công lập, trực thuộc Bộ Tài chính, chuyên đào tạo đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực thuộc lĩnh vực tài chính, kinh tế và các ngành, nghề khác được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép ở trình độ cao đẳng, đại học, sau đại học; thực hiện nghiên cứu khoa học và ứng dụng trong lĩnh vực tài chính, kinh tế; cung cấp những sản phẩm có chất lượng đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội ngày càng cao của đất nước nói chung và khu vực vùng đồng bằng Bắc Bộ nói riêng, góp phần quan trọng trong thực hiện sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế.

Trong lĩnh vực nghiên cứu khoa học, căn cứ vào các văn bản chỉ đạo hướng dẫn của Đảng, Chính phủ, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài chính và một số bộ ngành liên quan, Nhà trường đã ban hành nhiều văn bản để phục vụ cho việc thực hiện các hoạt động nghiên cứu cũng như quản lý hoạt động này phù hợp với các quy định của các văn bản pháp luật của cấp trên và tình hình đặc thù của đơn vị. Cụ thể, Nhà trường đã ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ; Quy định về chế độ công tác của giảng viên; Nghị quyết về Nâng cao chất lượng giảng dạy của giảng viên Trường Đại học Tài chính – Quản trị kinh doanh; Quy chế Tổ chức và quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học - công nghệ; Quy định về tiêu chuẩn năng lực và đạo đức trong hoạt động khoa học và công nghệ; Quy định về quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ; Quy định về tiêu chuẩn năng lực và đạo đức trong hoạt động khoa học và công nghệ; Quy định về hoạt động của Tạp chí Tài chính – Quản trị kinh doanh; Quy định về hướng dẫn xây dựng nhóm nghiên cứu mạnh. Bên cạnh đó, trường cũng đã ban hành dự thảo Quy định về tổ chức và hoạt động nhóm nghiên cứu mạnh; Quy định hướng dẫn thực thi đạo đức trong hoạt

động khoa học và công nghệ và Quy định về hỗ trợ kinh phí tham dự hội nghị, hội thảo quốc tế, công bố quốc tế, bằng độc quyền sáng chế, cho cán bộ, giảng viên.

Nhìn chung, hệ thống các văn bản quản lý nghiên cứu khoa học được ban hành tương đối đầy đủ, đảm bảo hành lang pháp lý cơ bản cho đội ngũ cán bộ, giảng viên, sinh viên của trường thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học.

3.2. Thực trạng hoạt động quản lý nghiên cứu khoa học tại trường đại học Tài chính – Quản trị kinh doanh

Về bộ máy quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học: Trường đại học Tài chính – Quản trị kinh doanh thực hiện quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học theo mô hình trực tuyến chức năng, với sự tham gia quản lý của Ban giám hiệu, hội đồng khoa học và đào tạo, phòng Quản lý khoa học và hợp tác quốc tế, và các khoa/phòng/trung tâm; trong đó đơn vị đầu mối là phòng Quản lý khoa học và hợp tác quốc tế.

Về quản lý đề tài nghiên cứu khoa học: Các đề tài nghiên cứu khoa học được quản lý theo một quy trình khá chặt chẽ, bao gồm các bước: đăng ký đề tài, xét duyệt đề tài, giao đề tài, thực hiện đề tài, thẩm định, nghiệm thu kết quả đề tài, quản lý và chuyển giao kết quả nghiên cứu. Việc đăng ký đề tài được thực hiện định kỳ, thường là mỗi năm 1 lần. Phòng Quản lý khoa học và hợp tác quốc tế sẽ gửi thông báo đến các đơn vị, các đơn vị sẽ thông báo đến các thành viên trong đơn vị mình để những người có ý định nghiên cứu chuẩn bị thuyết minh đề tài nộp lại cho phòng Quản lý khoa học theo đúng hạn định. Việc xét duyệt đề tài được thực hiện thông qua hội đồng. Những đề tài được hội đồng chấp thuận sẽ được trình lên hiệu trưởng, và hiệu trưởng sẽ ký quyết định giao đề tài. Quyết định này được chuyển đến cho các chủ nhiệm đề tài để làm căn cứ thực hiện. Đến thời hạn, chủ nhiệm đề tài nộp kết quả đề tài (báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu) về phòng Quản lý khoa học và hợp tác quốc tế. Phòng Quản lý khoa học và hợp tác quốc tế sẽ trình hiệu trưởng để hiệu

trưởng cân nhắc lựa chọn người thẩm định. Sau khi thẩm định xong, kết quả thẩm định sẽ gửi cho chủ nhiệm đề tài để chủ nhiệm đề tài hoàn thiện. Kết thúc quá trình thẩm định, chủ nhiệm đề tài nộp bản chỉnh sửa hoàn thiện cho phòng chức năng và phòng sẽ báo cáo hiệu trưởng để ra quyết định thành lập hội đồng nghiệm thu. Sau khi kết thúc các phiên họp nghiệm thu, chủ nhiệm đề tài và các thành viên thực hiện đề tài tiến hành chỉnh sửa hoàn thiện, đến thời hạn nộp kết quả hoàn chỉnh cuối cùng về phòng chức năng để phòng chức năng tiến hành lưu trữ và chuyển đến đơn vị có liên quan. Trong quá trình thực hiện đề tài, theo quy định, chủ nhiệm đề tài sẽ phải báo cáo tiến độ thực hiện cho phòng chức năng. Nếu đề tài cần gia hạn hoặc bị hủy bỏ, chủ nhiệm đề tài cũng phải báo cáo để phòng chức năng trình hiệu trưởng quyết định giải quyết.

Về tổ chức nhân sự thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học: Hiện tại, các đề tài cấp cơ sở thường do các cá nhân (cán bộ hoặc giảng viên trong trường) đứng ra đăng ký làm chủ nhiệm đề tài, tự chọn nhóm cùng nghiên cứu (thường là các giảng viên/cán bộ cùng trường, hoặc có thể có thêm một số người khác thuộc các cơ quan, đơn vị nhà nước và các doanh nghiệp); riêng đề cương bài giảng/giáo trình thì sẽ có sự phân công trực tiếp của khoa/bộ môn. Cuối năm 2019, trường có chủ trương xây dựng nhóm nghiên cứu mạnh, tuy nhiên vì nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan, cho đến nay tiến trình thực hiện còn chậm. Nhìn chung, do đại bộ phận cán bộ, giảng viên trong trường chưa có nhiều kinh nghiệm trong làm các đề tài nghiên cứu, và còn chưa thực sự đam mê nghiên cứu nên chủ yếu các công trình nghiên cứu trong trường đều dừng ở việc biên soạn tài liệu giảng dạy, viết bài đăng trên tạp chí của trường và một số tạp chí khác ở trong nước; viết bài đăng hội thảo quốc gia/quốc tế và làm đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường; việc tham gia các đề tài cấp tỉnh, cấp bộ và cấp nhà nước còn hạn chế.

Về quản lý kinh phí nghiên cứu khoa học: Kinh phí nghiên cứu khoa học hiện được tài trợ bởi hai nguồn là ngân sách cấp, và từ nguồn thu sự nghiệp. Các khoản chi này được quản lý theo đúng chế độ chính sách hiện hành.

Về cơ sở vật chất phục vụ cho nghiên cứu khoa học: Mặc dù hằng năm Nhà trường đã cố gắng nâng cấp cơ sở vật chất phục vụ cho công tác nghiên cứu và quản lý nghiên cứu khoa học nhưng do khó khăn về kinh phí nên hiện tại còn chưa đầy đủ và chưa đáp ứng tốt nhất cho hoạt động này tại trường: Hạ tầng công nghệ thông tin và cơ sở dữ liệu cho nghiên cứu còn hạn chế, các tài liệu tham khảo tại thư viện trường chưa thực sự đa dạng, đầy đủ và cập nhật; chưa có sự liên kết với các kho tài liệu nước ngoài; một số phần mềm chuyên dụng sử dụng trong nghiên cứu và quản lý nghiên cứu cũng chưa được trang bị... Đây cũng là tình trạng chung của nhiều trường cao đẳng, đại học công lập ở Việt Nam.

4. Bài học rút ra cho trường Đại học Tài chính – Quản trị kinh doanh

Từ những kinh nghiệm trong quản lý hoạt động nghiên cứu khoa của các trường đại học, các quốc gia khác nhau trên thế giới, kết hợp với thực trạng quá trình quản lý nghiên cứu khoa học tại trường, có thể rút ra một số bài học cho trường đại học Tài chính – Quản trị kinh doanh trong quản lý lĩnh vực này nhằm đem lại kết quả và hiệu quả cao trên một số phương diện cụ thể như sau:

Thứ nhất, tổ chức một/một số đơn vị nghiên cứu chuyên biệt (các nhóm nghiên cứu mạnh). Có thể ví đây như những đầu tàu để dẫn dắt, định hướng và lan tỏa hoạt động nghiên cứu khoa học trên phạm vi toàn trường. Đúng đầu các đơn vị này cần là những người có năng lực nghiên cứu tốt và kinh nghiệm thực tiễn phong phú. Kế đến là thư ký hoặc cấp phó phụ trách, và cuối cùng là đội ngũ các cán bộ nghiên cứu. Đội ngũ nghiên cứu có thể là các giảng viên của trường, cũng có thể là học viên cao học, thậm chí là những sinh viên ưu tú. Các đơn vị này có thể tổ chức nghiên cứu độc lập, cũng có thể liên

kết với nhau cùng thực hiện một/ một số công trình nhất định. Điều này đã được nhiều trường đại học ở nhiều quốc gia trên thế giới thực hiện tốt và đem lại kết quả ấn tượng, điển hình là các trường đại học ở Cộng hòa liên bang Đức (với các vườn ươm tài năng là các viện nghiên cứu và các phòng thí nghiệm), ở Nhật Bản (với mô hình COE). Trên thực tế, chủ trương xây dựng các nhóm nghiên cứu mạnh đã có ở Việt Nam từ năm 2014 theo thông tư số 37 (Bộ Khoa học và Công nghệ, 2014) của Bộ Khoa học và Công nghệ. Trên cơ sở đó, ngày 31 tháng 12 năm 2019, trường đại học Tài chính – Quản trị kinh doanh đã ban hành Quyết định số 950 về xây dựng nhóm nghiên cứu mạnh (Đại học Tài chính - Quản trị kinh doanh, 2019) và Quyết định số 952 về tiêu chuẩn về năng lực và đạo đức trong hoạt động khoa học và công nghệ (Đại học Tài chính - Quản trị kinh doanh, 2019) của hiệu trưởng trường đại học Tài chính – Quản trị kinh doanh để hiện thực hóa chủ trương này, nhưng việc thực hiện còn gặp nhiều khó khăn. Trong thời gian tới, trường đẩy nhanh quá trình thực hiện và thành lập cho được các nhóm nghiên cứu này; đồng thời cần thiết xây dựng cơ chế, chính sách hoạt động cụ thể, đặc thù đối với các nhóm nghiên cứu để tạo điều kiện tốt nhất cho các nhóm trong quá trình hoạt động và thu hút được những nghiên cứu viên xuất sắc. Các nhóm nghiên cứu cần được xây dựng ngay tại các khoa chuyên ngành cũng như ở phạm vi cấp trường.

Thứ hai, tiếp tục thực hiện tốt việc quản lý nghiên cứu khoa học ở tất cả các khâu từ khâu đăng ký, xét duyệt đề tài đến quá trình thực hiện đề tài, hoạt động nghiệm thu, đánh giá đề tài và quản lý kết quả nghiên cứu sau nghiệm thu. Cần có cơ chế để thu hút sự tham gia đánh giá, phản biện của các nhà khoa học có uy tín. Điều này đã được thực hiện rất tốt tại các quốc gia như Mỹ, Nhật, Australia...

Thứ ba, đa dạng hóa nguồn tài trợ cho nghiên cứu khoa học. Hiện nay, nguồn tài trợ cho nghiên cứu khoa học tại trường đại học Tài chính – Quản trị kinh doanh là từ học phí và ngân sách cấp, do đó còn khá hạn chế trong việc

phát triển hệ thống nghiên cứu khoa học tại trường theo kịp với các trường đại học đầu ngành trong nước và các trường đại học trong khu vực. Những năm tới đây, cùng với việc tự chủ tài chính thì nguồn tài trợ cho nghiên cứu khoa học sẽ càng bị thất lại. Bởi thế, cần phải có chính sách cụ thể để huy động nguồn tài trợ từ các doanh nghiệp; hình thành các quỹ hiến tặng từ cựu sinh viên, hội phụ huynh..., thương mại hóa kết quả nghiên cứu hoặc thậm chí tham gia các kênh gọi vốn cộng đồng để tạo nguồn, phục vụ cho mục đích nghiên cứu khoa học trong phạm vi trường. Việc huy động nguồn tài trợ cho hoạt động nghiên cứu khoa học nói riêng và cho hoạt động giáo dục nói chung từ cựu sinh viên, hội phụ huynh... đã được một số trường đại học Hoa Kỳ thực hiện rất tốt, điển hình là đại học Harvard khi mà tới 35% ngân sách hoạt động hàng năm của trường được lấy từ các quỹ tài trợ; hoặc gần ta hơn có trường đại học Quốc gia Singapore cũng rất thành công trong hoạt động này. Việc thương mại hóa các kết quả nghiên cứu để tạo nguồn đã được một số trường đại học thuộc các nước như Australia, Trung Quốc, Canada, Hoa Kỳ, Anh, Pháp, Hàn Quốc, Nhật Bản, Đức, Italia thực hiện thành công, tuy nhiên số lượng các sáng kiến được

thương mại hóa chiếm tỷ lệ rất ít trong số các sáng kiến được cấp văn bằng bảo hộ.

5. Kết luận

Những thành tựu khoa học của một đơn vị, một quốc gia phụ thuộc vào nhiều yếu tố và cần thời gian dài để đạt được với những chính sách quản lý tốt. Kinh nghiệm của các quốc gia có nền khoa học công nghệ phát triển, có nhiều trường đại học hàng đầu trong lĩnh vực nghiên cứu khoa học cho thấy, việc xây dựng được nhóm nghiên cứu mạnh; quản lý chặt chẽ các đề tài nghiên cứu trong tất cả các khâu, đặc biệt là khâu thẩm định, nghiệm thu; cũng như việc duy trì và mở rộng các nguồn tài trợ cho nghiên cứu khoa học là những nền tảng cơ bản để thúc đẩy và nâng cao chất lượng hoạt động nghiên cứu khoa học tại các trường đại học nói riêng và đối với nền khoa học công nghệ của quốc gia nói chung. Đây cũng là những kinh nghiệm quản lý mà trường đại học Tài chính – Quản trị kinh doanh nói riêng và các trường đại học tại Việt Nam nói chung có thể xem xét, nghiên cứu, vận dụng một cách linh hoạt, sáng tạo, phù hợp với đặc điểm của trường mình để có những bước nhảy vọt trong lĩnh vực nghiên cứu khoa học trong tương lai.

Tài liệu tham khảo

1. Simon và Schuster. (n.d.). Foundations of American higher education. Simon và Schuster Custom Publishing, Second edition.
2. Đại học Tài chính - Quản trị kinh doanh . (2019, 31 12). Quyết định 950/QĐ-ĐHTCQTKD.
3. Đại học Tài chính - Quản trị kinh doanh . (2019, 12 31). Quyết định 952/QĐ-ĐHTCQTKD.
4. Đinh Văn Toàn (2019). Phát triển doanh nghiệp trong các cơ sở giáo dục đại học - Từ kinh nghiệm quốc tế đến thực tiễn Việt Nam. NXB ĐH Quốc gia Hà nội.
5. <https://tiasang.com.vn/-dien-dan/quan-li-du-an-nghien-cuu-khoa-hoc-kinh-nghiem-tu-uc-114>.
6. <https://tiasang.com.vn/-giao-duc/hoat-dong-cua-cac-vien-nghien-cuu-trong-cac-truong-dai-hoc-cua-duc-1613>
7. <https://tiasang.com.vn/-quan-ly-khoa-hoc/to-chuc-va-quan-ly-de-tai-nghiencuu-khoa-hoc-onhat-879>
8. Nguyễn Thị Tuyết. (2007). Cơ sở lý luận và thực tiễn quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học ở các trường đại học Việt Nam theo hướng bình đẳng giới. Luận án tiến sĩ: Đại học Quốc gia Hà Nội.